

Bản án số: 158/2022/DS-PT

Ngày 28 - 6 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán:

Bà Đinh Cẩm Đào

Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tú Anh là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 77/2022/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 95/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Việt T1, sinh năm 1976 (Có mặt)

2. Bà Hàn Tú T2, sinh năm 1976 (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Hàn Tú T2: Ông Nguyễn Việt T1.

Cùng địa chỉ: Nhà k, đường D, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh C.

- Bị đơn:

1. Ông Phạm Văn G, sinh năm 1971 (Có mặt)

2. Bà Đào Thị B, sinh năm 1972 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Nhà k, đường N, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh C.

- Người kháng cáo: Ông Phạm Văn G và bà Đào Thị B, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo ông Nguyễn Việt T1 trình bày:

Ông Nguyễn Việt T1 và bà Hàn Tú T2 có cho ông Phạm Văn G và bà Đào

Thị B vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- + Ngày 17/4/2012, vay 80.000.000 đồng;
- + Ngày 28/01/2013, vay 15.000.000 đồng;
- + Ngày 07/03/2013, vay 5.000.000 đồng;
- + Ngày 03/05/2013, vay 5.000.000 đồng;
- + Ngày 04/5/2013, vay 10.000.000 đồng;
- + Ngày 26/5/2013, vay 5.000.000 đồng;
- + Ngày 07/06/2013, vay 10.000.000 đồng;
- + Ngày 07/07/2013, vay 10.000.000 đồng;
- + Ngày 28/10/2013, vay 7.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông G và bà B vay là 147.000.000 đồng, lãi suất vay được thỏa thuận là 03%/tháng; ông G và bà B có viết biên nhận nợ và có giao một tờ hợp đồng chuyển nhượng đất ruộng viết tay của ông G và bà B để làm tin. Sau khi vay, ông G và bà B không trả vốn và lãi theo thỏa thuận. Do đó, ông T1 và bà T2 yêu cầu ông G và bà B thanh toán cho ông, bà số tiền nợ gốc là 147.000.000 đồng và lãi từ ngày 01/01/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm là 99 tháng 08 ngày, theo mức lãi suất 1,6%/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T1 và bà T2 tự nguyện giảm lãi cho ông G và bà B, chỉ yêu cầu thanh toán bằng 50% mức lãi theo quy định pháp luật với số tiền lãi bằng 100.000.000 đồng.

- Theo bà Đào Thị B trình bày:

Bà B thừa nhận vào ngày 17/4/2012 bà và ông G có vay của ông T1 và bà T2 số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất là 5%/tháng. Nhưng bà B cho rằng bà và ông G đã thanh toán xong toàn bộ số tiền vốn và lãi cho ông T1 và bà T2. Đối với các khoản tiền vay còn lại là do cá nhân bà vay, bà không nhớ chính xác là vay bao nhiêu tiền, chỉ nhớ lãi suất thỏa thuận là 7%/tháng. Số tiền bà vay của ông T1 và bà T2 là để cho người khác vay lại, nhưng do những người này chưa trả nên bà không có tiền trả lại cho ông T1 và bà T2. Bà B thừa nhận nợ và đồng ý thanh toán số tiền còn nợ cho ông T1 và bà T2, nhưng khi nào những người vay của bà trả đủ tiền cho bà, thì bà trả lại cho ông T1 và bà T2.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2022/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Ông Phạm Văn G và bà Đào Thị B phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Việt T1 và Hàn Tú T2 số tiền là 247.000.000 đồng. Trong đó: Vốn là 147.000.000 đồng, lãi là 100.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/4/2022, ông Phạm Văn G và bà Đào Thị B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền nợ 247.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Văn G và bà Đào Thị B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Ông G không có ý kiến tranh luận.

Bà B phát biểu: Khi nào những người vay tiền của bà trả lại cho bà, thì bà trả lại cho ông T1 và bà T2.

Ông T1 phát biểu: Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn G và bà Đào Thị B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 77/2022/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn G và bà Đào Thị B, Hội đồng xét xử xét thấy:

Giao dịch tiền vay giữa các đương sự là thực tế có diễn ra, khi giao dịch có làm biên nhận nợ. Tại phiên tòa, bà B thừa nhận vào ngày 17/4/2012 bà và ông G có vay của ông T1 và bà T2 số tiền 80.000.000 đồng, sau đó bà có vay thêm của ông T1 và bà T2 nhiều lần, có ký nhận nợ đúng như ông T1 trình bày, nhưng bà không nhớ chính xác đã vay cụ thể là bao nhiêu tiền. Tuy nhiên, ông G cho rằng ông đã trả đủ tiền các lần vay, hiện không còn nợ của ông T1 và bà T2. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, ông G và bà B không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh việc ông, bà đã thanh toán xong khoản tiền vay và lãi cho ông T1 và bà T2, trong khi đó ông T1 không thừa nhận. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông T1 và bà T2, buộc ông G và bà B trả cho ông T1 và bà T2 số tiền nợ gốc và lãi 247.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông G và bà B không có cơ sở để chấp nhận.

Về trách nhiệm trả nợ, do ông G và bà B không có kháng cáo về trách nhiệm trả nợ, nên không đặt ra xem xét.

[2] Từ những nhận định trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn G và bà Đào Thị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Do không chấp nhận kháng cáo của ông G và bà B, nên ông G và bà B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn G và bà Đào Thị B. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 77/2022/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt T1 và bà Hàn Tú T2. Buộc ông Phạm Văn G và bà Đào Thị B thanh toán cho ông T1 và bà T2 số tiền là 247.000.000 đồng (Trong đó: Vốn là 147.000.000 đồng, lãi là 100.000.000 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Ông T1 và bà T2 có trách nhiệm giao trả lại cho ông G và bà B tờ hợp đồng chuyển nhượng đất ruộng ngày 09/9/2010 đứng tên ông Phạm Văn G sau khi ông G và bà B thanh toán xong nợ cho ông T1 và bà T2.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T1 và bà T2 không phải chịu án phí. Ngày 29/09/2021, ông T1 và bà T2 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 8.614.000 đồng theo biên lai số 0001372 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được nhận lại.

Ông G và bà B phải chịu 12.350.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông G và bà B phải chịu 300.000 đồng. Ngày 29/4/2022, ông G và bà B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001262 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thành Lập